

Bản án số: 54/2021/HC-PT

Ngày 03 tháng 02 năm 2021

V/v “Khiếu kiện quyết định hành
chính về xử phạt vi phạm hành
chính trong lĩnh vực xây dựng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hồng.

Các thẩm phán: Bà Trần Thị Hòa Hiệp.

Ông Lê Hoàng Tấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quang Hiến - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Út- Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 03 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 408/2020/TLPT-HC ngày 04 tháng 8 năm 2020 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực xây dựng”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 05/2020/HC-ST ngày 12 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 51/2021/QĐPT-HC ngày 18 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Bà Đoàn Bích T, sinh năm 1988. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: đường L, phường P, thành phố T, tỉnh B. Nơi cư trú: khu phố C, phường M, thành phố T, tỉnh B, có mặt.

2. *Người bị kiện:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh B. Địa chỉ: đường Q, Phường P, thành phố, tỉnh B.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Trần Sĩ N - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T (Theo Văn bản ủy quyền số 154/QĐ-UBND Ngày 03/02/2020), vắng mặt.

3. *Người kháng cáo:* Bà Đoàn Bích T là người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Người khởi kiện bà Đoàn Bích T trình bày:* Bà Đoàn Bích T có quyền sử dụng đất thửa số 2190, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại khu phố C, phường M, thành phố T, tỉnh B. Bà T có làm thủ tục xin cấp phép xây dựng nhà ở nhưng không được các cơ quan có thẩm quyền chấp thuận vì đất nằm trong khu quy hoạch đường N3. Do không được phép xây dựng nhà ở nên bà T có mua 4 thùng container cũ về xếp thành hai hàng để làm nơi chứa máy móc của khách hàng gửi sửa chữa. Trên nóc hai hàng thùng container bà T gác sắt, lợp tole làm có chỗ trú mưa, kết cấu không bắt cố định với nền bê tông.

Ngày 07/11/2018 của Ủy ban nhân dân (Viết tắt UBND) phường M lập biên bản vi phạm hành chính nhưng không có mặt bà T và không có người chứng kiến. Đến ngày 23/11/2018 bà T mới nhận được Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 479/QĐ-XPVPHC ngày 13/11/2018 của Chủ tịch UBND thành phố T. Do đó, bà T yêu cầu Tòa án xử hủy Quyết định số 479/QĐ-XPVPHC ngày 13/11/2018 (Viết tắt Quyết định 479) của Chủ tịch UBND thành phố T về xử phạt vi phạm hành chính đối với bà T.

** Người đại diện hợp pháp của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T trình bày:* Ngày 13/7/2018, UBND phường M tiến hành lập biên bản kiểm tra công trình xây dựng đối với hộ bà Đoàn Bích T, qua kiểm tra hộ bà Tuyền đang tiến hành tráng nền bê tông xi măng trên thửa đất số 2190 thuộc dự án mở rộng đường N3. Tổ trật tự đô thị phường M yêu cầu bà T không được xây dựng bất kỳ công trình nào trên thửa đất số 2190 thuộc dự án mở rộng đường N3. Ngày 05/11/2018, UBND phường M tiến hành lập biên bản kiểm tra công trình xây dựng đối với hộ bà Đoàn Bích T, qua kiểm tra hộ bà T có tiến hành lắp dựng khung sắt phía trên thùng container, một cột sắt chữ I trên đất liên kết với khung sắt phía trên, mái chưa lợp, hiện trạng lắp dựng với diện tích 3,25m x 12,1m = 112m². Tổ Trật tự đô thị phường M có lập biên bản nhưng không có mặt bà T tại hiện trường, trong biên bản có ghi yêu cầu bà T ngừng thi công lắp dựng công trình và yêu cầu cung cấp giấy phép việc lắp dựng công trình.

Ngày 07/11/2018, UBND phường M tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính đối với bà T thi công xây dựng công trình không có giấy phép xây dựng, tổng diện tích xây dựng là 112m² tại thửa đất số 2190, tờ bản đồ số 03, phường M, không có mặt bà T, nhưng có sự chứng kiến của ông Nguyễn Hoàng H là Trưởng khu phố C và bà Nguyễn Ngọc T là Nhân Viên Đội quản lý thị trường thành phố T, đại diện UBND phường M có ông Phan Tấn H là cán bộ địa chính phường. Cùng ngày 07/11/2018, UBND phường M có Tờ trình số 43/TTr-UBND về việc đề nghị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hoạt động xây dựng đối với bà Đoàn Bích T. Ngày 13/11/2018, UBND thành phố T ban hành Quyết định số 479 xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Đoàn Bích T. Ngày 23/11/2018, UBND phường M tiến hành lập biên bản giao Quyết định số 479 về xử phạt vi phạm hành chính cho bà Đoàn Bích T.

Ngày 06/12/2018, bà T có làm đơn yêu cầu cứu xét được miễn giảm tiền phạt và cho phép được tồn tại công trình có diện tích xây dựng tạm 112m² và tự

nguyện tháo dỡ, di dời khi tuyến đường N3 triển khai thi công mà không yêu cầu đền bù, hỗ trợ di dời công trình (mái che) nói trên.

Ngày 06/3/2019, UBND phường M có lập biên bản đồn đốc bà T nghiêm túc thực hiện Quyết định số 479 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực xây dựng nhưng bà T không chấp hành. Từ những cơ sở trên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T đề nghị bác đơn khởi kiện của bà Đoàn Bích T.

- Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 05/2020/HC-ST ngày 12 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh B đã quyết định:

Căn cứ các Điều 30, 32, 55, 98, 115, 116, 134, Điều 164, điểm a khoản 2 Điều 193 và Điều 194 Luật Tổ tụng hành chính; Căn cứ khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Bích T đối với yêu cầu hủy Quyết định số 479/QĐ XPVPHC ngày 13/11/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T về việc xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng đối với bà Đoàn Bích T.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí hành chính sơ thẩm; về quyền kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Ngày 24/6/2020, người khởi kiện bà Đoàn Bích T có đơn kháng cáo sơ thẩm với nội dung: Ngày 07/11/2018 Tổ trật tự phường M tiếp tục lập biên bản nhưng không có mặt bà T và bà T chưa nhận được biên bản vi phạm nên bà mất quyền được giải trình lên cơ quan cấp trên; việc áp dụng điểm b khoản 5 Điều 15 Nghị định số 139/2017/NĐ-CP Ngày 07/11/2017 của Chính phủ chỉ quy định mức phạt hành chính chứ không phải là quy định làm mái che gác lên thùng container là vi phạm hành chính.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

- Người bị kiện bà Đoàn Bích T giữ nguyên kháng cáo yêu cầu hủy Quyết định số 479/QĐ XPVPHC ngày 13/11/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T vì ngày 07/11/2018 Tổ trật tự phường M tiếp tục lập biên bản nhưng không có mặt bà T và bà T chưa nhận được biên bản vi phạm nên bà mất quyền được giải trình lên cơ quan cấp trên; việc áp dụng điểm b khoản 5 Điều 15 Nghị định số 139/2017/NĐ-CP Ngày 07/11/2017 của Chính phủ chỉ quy định mức phạt hành chính chứ không phải là quy định làm mái che gác lên thùng container là vi phạm hành chính.

- Người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố T vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm: Những người tiến hành tổ tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của bà T là không có cơ sở bởi vì bà T mặc dù có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng khi xây dựng không có giấy phép xây dựng. Vì vậy Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính xử phạt hành chính và buộc tháo dỡ công trình xây dựng là có căn cứ, đúng pháp luật. Do đó đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính bác kháng cáo của người khởi kiện. Giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của người khởi kiện bà Đoàn Bích T trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện để giải quyết phúc thẩm.

[2] Người bị kiện đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Nên Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt người bị kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 225 Luật tố tụng hành chính.

[3] Về đối tượng khởi kiện, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ tranh chấp và thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 3, Điều 30, Điều 32, 116 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[4] Xét tính hợp pháp của Quyết định bị khiếu kiện:

[4.1] Về thẩm quyền ban hành quyết định:

Xét thấy Quyết định số 479/QĐ XPVPHC ngày 13/11/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T về việc xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng đối với bà Đoàn Bích T đúng theo quy định Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 và Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015.

[4.2] Về trình tự, thủ tục và căn cứ ban hành quyết định:

Bà Đoàn Bích T hiện đang là người trực tiếp quản lý, sử dụng thửa đất số 2190, tờ bản đồ số 05 tọa lạc tại khu phố C, phường M, thành phố T, tỉnh B, diện tích sử dụng 308,4m², trong đó đất ở đô thị 108m², đất trồng cây lâu năm 200,4m², bà T được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 28/6/2018.

Ngày 13/7/2018, UBND phường M tiến hành lập biên bản kiểm tra công trình của hộ bà Đoàn Bích T, qua kiểm tra, Tổ Trật tự phường M ghi nhận thực tế tại thửa đất số 2190 bà T đang tiến hành tráng nền bê tông xi măng trên khu đất thuộc dự án mở rộng đường N3. Tổ Trật tự đô thị phường yêu cầu bà T không được xây dựng bất kỳ công trình nào trên thửa đất thuộc dự án mở rộng đường N3 và được bà T thống nhất nội dung do Tổ Trật tự đô thị phường ghi nhận trong biên bản đã lập. Sau đó, bà Đoàn Bích T tiếp tục lắp dựng khung sắt phía trên thùng container, một cột sắt chữ I trên đất liền kết với khung sắt phía trên, mái chưa lợp, hiện trạng lắp dựng với diện tích 3,25m x 12,1m = 112m² tại

thửa đất số 2190, tờ bản đồ số 05 tọa lạc tại khu phố C, phường M, thành phố T, tỉnh B.

Vào ngày 05/11/2018, Tổ Trật tự của phường M lập biên bản vi phạm không có mặt bà T là người chủ sử dụng công trình, có mặt đại diện Ban Điều hành khu phố C và nhân viên Đội quản lý trật tự đô thị thành phố T chứng kiến. Bà T tiếp tục sử dụng công trình làm nơi sinh hoạt để ở. Ngày 07/11/2018, UBND phường M tiếp tục đến tại thửa đất số 2190, tờ bản đồ số 05 tọa lạc tại khu phố C phường M, thành phố T, tỉnh B, tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính về hoạt động xây dựng đối với bà T đã có các hành vi vi phạm hành chính như: Thi công xây dựng công trình không có giấy phép xây dựng mà theo quy định phải có giấy phép xây dựng đối với trường hợp xây dựng, lắp dựng công trình nhà ở riêng lẻ tại đô thị. Hiện trạng xây dựng: Ngang 3,25m x dài 12,1m = 112m², kết cấu cột sắt, kèo sắt, mái chưa lợp, tại thửa đất số 2190, tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại khu phố C, phường M, thành phố T, tỉnh B. Cùng ngày 07/11/2018, UBND phường M ban hành Tờ trình số 43/TTr-UBND về việc đề nghị UBND thành phố T ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực xây dựng đối với bà Đoàn Bích T theo quy định.

Ngày 13/11/2018 Chủ tịch UBND thành phố T căn cứ các Điều 57, 68 Luật xử lý vi phạm hành chính; điểm b khoản 5 Điều 15 Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 07/11/2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động đầu tư xây dựng; khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản làm vật liệu xây dựng, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; kinh doanh bất động sản, phát triển nhà ở, quản lý sử dụng nhà và công sở để ban hành Quyết định số 479/QĐ-XPVPHC về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng đối với bà Đoàn Bích T là đúng quy định của pháp luật.

[5] Bà T kháng cáo cho rằng 07/11/2018, UBND phường M lập biên bản vi phạm hành chính nhưng bà T không có mặt và bà chưa nhận được biên bản, làm mất đi quyền được giải trình của bà T. Xét lời bà T nại ra là chưa có căn cứ. Bởi vì, ngày 13/7/2018, UBND phường M tiến hành lập biên bản kiểm tra công trình của hộ bà Đoàn Bích T, yêu cầu bà T không được xây dựng bất kỳ công trình nào trên thửa đất thuộc dự án mở rộng đường N3 và được bà T thống nhất nội dung do Tổ Trật tự đô thị phường ghi nhận trong biên bản đã lập. Nhưng sau đó bà T tiếp tục lắp dựng khung sắt phía trên thùng container, một cột sắt chữ I trên đất liền kết với khung sắt phía trên, mái chưa lợp, hiện trạng lắp dựng với diện tích 3,25m x 12,1m = 112m² tại thửa đất số 2190. Vào ngày 05/11/2018, Tổ Trật tự của phường M lập biên bản vi phạm không có mặt bà T là người chủ sử dụng công trình, có mặt đại diện Ban Điều hành khu phố C. Bà T tiếp tục sử dụng công trình làm nơi sinh hoạt để ở. Ngày 07/11/2018, UBND phường M tiếp tục đến tại thửa đất số 2190, tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính về hoạt động xây dựng đối với bà T đã có các hành vi vi phạm hành chính như: Thi công xây dựng công trình không có giấy phép xây dựng mà theo quy định phải có giấy phép xây dựng đối với trường hợp xây dựng, lắp dựng công trình nhà ở riêng lẻ tại đô thị. Hiện trạng xây dựng: Ngang 3,25m x dài 12,1m = 112m², kết

cầu cột sắt, kèo sắt, mái chưa lợp, tại thửa đất số 2190, tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại khu phố C, phường M, thành phố T, tỉnh B. Đến ngày 23/11/2018, UBND phường M tiến hành lập biên bản giao Quyết định số 479 ngày 13/11/2018 của UBND thành phố T cho bà T về xử phạt vi phạm hành chính. Bà T đã nhận quyết định và có làm đơn xin cứu xét đề ngày 06/12/2018, trong cứu xét bà T thừa nhận không xin được giấy phép xây dựng vì đất của bà T nằm trong dự án quy hoạch đường N3, bà T xin UBND thành phố T cho miễn giảm tiền nộp phạt và cho phép tồn tại mái che đã xây dựng, bà T tự nguyện tháo dỡ công trình khi tuyến đường N3 tiến hành thi công.

Như vậy có căn cứ xác định bà Đoàn Bích T xây dựng công trình không có giấy phép xây dựng mà theo quy định phải có giấy phép xây dựng đối với xây dựng nhà ở riêng lẻ tại đô thị, đã vi phạm vào điểm b khoản 5 Điều 15 của Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 07/11/2017 của Chính phủ. Vì vậy Chủ tịch UBND thành phố T ban hành quyết định xử phạt hành chính đối với bà Đoàn Bích T đã áp dụng hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả là có căn cứ đúng quy định tại điểm b khoản 5 và điểm d khoản 11 Điều 15 Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 07/11/2017 của Chính phủ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo yêu cầu hủy Quyết định số 479 ngày 13/11/2018 của UBND thành phố T, nhưng bà không xuất trình được chứng cứ nào mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà.

Vì vậy, chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, không chấp nhận kháng cáo của bà T, giữ quyết định của bản án sơ thẩm.

[6] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà T phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Quyết định khác của Bản án sơ thẩm về án phí hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng Hành chính; Khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Đoàn Bích T và giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2020/HC-ST ngày 12/6/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh B.

Căn cứ các Điều 30, 32, 55, 98, 115, 116, 134, Điều 164, điểm a khoản 2 Điều 193 và Điều 194 Luật Tổ tụng hành chính; Căn cứ khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Bích T đối với yêu cầu hủy Quyết định số 479/QĐ-XPVPHC ngày 13/11/2018 của Chủ tịch UBND thành phố T về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực xây dựng.

2. Về án phí hành chính phúc thẩm: Bà Đoàn Bích T phải nộp 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) án phí hành chính phúc thẩm. Được khấu trừ vào số tiền đã tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0044645 ngày 30/6/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh B. Bà T đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm.

3. Quyết định khác của Bản án sơ thẩm về án phí hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Trần Thị Thúy Hồng